

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**của CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC**  
**LẠNG SƠN**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

*kèm theo*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
**CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**MỤC LỤC**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	02 - 03
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	04 - 05
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	06 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 32

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn là một Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Lạng Sơn theo Quyết định số 2438/QĐ – UBND ngày 12/11/2008 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4900101738 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 10 tháng 04 năm 2009.

Vốn điều lệ của Công ty là 50.098.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tỷ không trăm chín mươi tám triệu đồng).

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là phân phối nước sạch.

### 2. Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau :

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ HĐQT</u>	<u>Chức vụ Ban giám đốc</u>
- Ông Nguyễn Hữu Chung	Chủ tịch HĐQT	Giám đốc
- Ông Nguyễn Thành Vũ	Thành viên	Phó Giám đốc (đến hết ngày 01/09/2015)
- Ông Nguyễn Văn Cảnh	Thành viên	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Quyết	Thành viên	Phó Giám đốc
- Ông Phùng Đức Toàn	Thành viên	Kế toán trưởng
- Ông Vũ Văn Bính		Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/06/2015)
- Bà Linh Thị Huệ		Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 25/11/2015)

### 3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

### 4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### 5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

### 6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 7. Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

### 8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Lạng Sơn, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Thay mặt Ban Giám đốc

  
  
Nguyễn Hữu Chung  
Giám đốc

  
TRƯỞNG PHÒNG  
Vi Văn Ba

  
**CHỨNG THỰC**  
**BẢN SAO NÀY ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
25 -05- 2016  
Số.....2671.....QUYÊN:01.....SCT/BS

Số: 45/2016/BCKT/PKF-VPHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015  
của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn được lập ngày 22/12/2015, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



**Nguyễn Xuân Hòa**

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0909-2015-242-1

**Nguyễn Đại Hùng**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1000-2015-242-1



**TRƯỞNG PHÒNG**  
*Vi Văn Ba*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>42.294.928.626</b>	<b>47.811.171.327</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>VI.1</b>	<b>26.952.806.424</b>	<b>31.771.215.729</b>
1. Tiền	111		16.140.047.498	21.543.200.571
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.812.758.926	10.228.015.158
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>8.491.184.471</b>	<b>7.932.952.212</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.2	3.069.441.254	3.726.461.308
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.829.389.824	2.804.374.824
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	VI.3	1.655.502.773	1.493.853.130
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	VI.6	(63.149.380)	(91.737.050)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>VI.4</b>	<b>6.335.424.577</b>	<b>6.643.794.384</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.335.424.577	6.643.794.384
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>515.513.154</b>	<b>1.463.209.002</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.9	106.321.213	319.355.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	VI.11	401.017.611	1.137.978.061
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.11	8.174.330	5.875.941
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>151.316.124.379</b>	<b>146.363.663.903</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.000.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	VI.2	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.3	10.000.000	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	VI.6	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>138.142.445.586</b>	<b>138.516.330.768</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.7	137.002.122.219	137.263.603.161
- Nguyên giá	222		208.426.726.503	197.408.556.582
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.424.604.284)	(60.144.953.421)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.8	1.140.323.367	1.252.727.607
- Nguyên giá	228		2.086.747.523	2.086.747.523
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(946.424.156)	(834.019.916)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>VI.5</b>	<b>8.658.715.952</b>	<b>2.664.669.581</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.658.715.952	2.664.669.581
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.504.962.841</b>	<b>5.182.663.554</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.9	4.504.962.841	5.182.663.554
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>193.611.053.005</b>	<b>194.174.835.230</b>

DAX.H

PHÒ

Ư PI

ON.7



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>52.027.879.400</b>	<b>30.352.880.182</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>37.763.280.400</b>	<b>16.563.781.182</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.10	2.260.268.236	2.273.846.664
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.702.865.085	5.573.009.517
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.11	857.479.116	1.181.195.092
4. Phải trả người lao động	314		6.442.873.430	5.224.508.641
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.12	539.063.085	1.766.747.273
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.14	24.326.326.707	1.326.472.923
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.13	50.000.000	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(1.415.595.259)	(781.998.928)
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14.264.599.000</b>	<b>13.789.099.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	VI.10	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	VI.12	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.13	14.264.599.000	13.789.099.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

C.N

NG

IÁI

LẠNG

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>141.583.173.605</b>	<b>163.821.955.048</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>VI.15</b>	<b>141.583.173.605</b>	<b>163.821.955.048</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.098.000.000	50.098.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.098.000.000	50.098.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		86.443.641.278	109.174.268.410
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.644.205.272	1.644.205.272
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		3.397.327.055	2.905.481.366
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.397.327.055	2.905.481.366
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>193.611.053.005</b>	<b>194.174.835.230</b>

**CHỨNG THỰC**  
**BẢN SAO NÀY ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 25 -05- 2016  
 SỐ: 2671 QUYÊN: 01 SCT/BS



**TRƯỞNG PHÒNG**  
*Vì Văn Đu*

Lạng Sơn, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Linh Thị Huệ

Linh Thị Huệ

Nguyễn Hữu Chung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
Năm 2015

Mẫu số B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

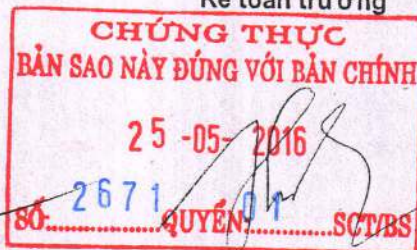
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	96.566.794.078	88.037.630.812
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	49.361.127	18.273.372
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		96.517.432.951	88.019.357.440
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	72.801.606.951	64.786.582.238
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.715.826.000	23.232.775.202
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	662.373.698	867.650.362
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	1.429.930.444	2.053.831.503
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.429.930.444	2.053.831.503
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8	6.462.099.205	6.024.018.121
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	12.306.442.138	12.006.545.823
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.179.727.911	4.016.030.117
11. Thu nhập khác	31	VII.6	63.878.000	782.781.156
12. Chi phí khác	32	VII.7	8.605.000	810.209.474
13. Lợi nhuận khác	40		55.273.000	(27.428.318)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.235.000.911	3.988.601.799
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	930.288.644	880.158.306
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.11	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>3.304.712.267</u>	<u>3.108.443.493</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		659,65	620,47
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Người lập

Kế toán trưởng

Lạng Sơn, ngày 21 tháng 03 năm 2016  
Giám đốc


Linh Thị Huệ



Linh Thị Huệ



Nguyễn Hữu Chung



TRƯỞNG PHÒNG

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Năm 2015

Mẫu số B 03 - DN

Đơn vị tính: VND  
 Năm trước

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		105.180.454.285	92.694.016.261
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(31.985.766.952)	(64.169.084.467)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(46.451.433.772)	(10.100.692.069)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.429.930.444)	(2.053.831.503)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(897.547.231)	(842.498.134)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.602.375.131	6.118.495.501
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(22.589.110.532)	(16.882.875.838)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6.429.040.485</b>	<b>4.763.529.751</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.757.693.558)	(19.728.804.698)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		584.743.768	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(10.172.949.790)</b>	<b>(19.228.804.698)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	18.208.018.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		4.250.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.724.500.000)	(5.943.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.600.000.000)	(1.502.940.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.074.500.000)</b>	<b>10.762.078.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(4.818.409.305)</b>	<b>(3.703.196.947)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>31.771.215.729</b>	<b>35.474.412.676</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy</b>	<b>61</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>26.952.806.424</b>	<b>31.771.215.729</b>

**CHỨNG THỰC**  
**BẢN SAO NÀY ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 25-05-2016  
 SỐ.....267.....QUYÊN.....01.....SCT/BS



**TRƯỞNG PHÒNG**  
*Vi Văn Bảo*

Lạng Sơn, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng



*[Signature]*

*[Signature]*

Linh Thị Huệ

Linh Thị Huệ

Nguyễn Hữu Chung

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn là một Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Lạng Sơn theo quyết định số 2438/QĐ – UBND ngày 12/11/2008 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4900101738 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 10 tháng 04 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Vốn điều lệ của Công ty là 50.098.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ, không trăm chín mươi tám triệu đồng*).

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Quan hệ
Chi nhánh Thoát nước đô thị	Số 81, đường Trần Đăng Ninh – TP Lạng Sơn – Tỉnh Lạng Sơn	Chi nhánh Công ty
Chi nhánh Xây lắp điện nước	Số 81, đường Trần Đăng Ninh – TP Lạng Sơn – Tỉnh Lạng Sơn	Chi nhánh Công ty
Chi nhánh Tư vấn Xây dựng Công trình	Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, TP Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn	Chi nhánh Công ty

**2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính là phân phối nước sạch.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Sản xuất và phân phối nước sạch; xây dựng các công trình dân dụng; xây dựng đường ống cấp thoát nước; xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV; thiết kế hệ thống cấp thoát nước; theo dõi giám sát thi công hệ thống cấp thoát nước; mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước; sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai; hoạt động vệ sinh môi trường, vệ sinh khai thông cống rãnh, bồn nước, hút cầu hầm; trồng hoa cây cảnh, cây xanh đô thị, lắp đặt hệ thống chiếu sáng đô thị; vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng (bùn đất, rác thải đô thị); xử lý và tiêu thụ rác thải không độc hại.

**3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

**4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không.**

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

Ngoài ra, khi xác định nghĩa vụ thuế (kê khai, quyết toán, nộp thuế), Công ty thực hiện theo các qui định của pháp luật về thuế.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

**a) Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

**b) Lập dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

**c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư**

**a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-40 năm
- Máy móc, thiết bị	05-15 năm
- Phương tiện vận tải	06-30 năm
- Thiết bị văn phòng	03-10 năm

**b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính**

**c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư**

**7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh**

**8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thuê đất;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Lợi thế thương mại.

Lợi thế thương mại được xác định và phân bổ theo quy định tại Thông tư 138/2012/TT-BTC ban hành ngày 20 tháng 08 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

**11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

**12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

**15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**c) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**d) Doanh thu hợp đồng xây dựng**

**e) Thu nhập khác**

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

**17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

**18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ.

**19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

**21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**22. Công cụ tài chính**

**a) Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, theo mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

**b) Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đồng Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Mẫu số B09 - DN

Đơn vị tính: VND

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán****1. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.194.904.350	862.138.882
Tiền gửi ngân hàng	14.045.143.148	20.681.061.689
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	10.812.758.926	10.228.015.158
<b>Cộng</b>	<b>26.952.806.424</b>	<b>31.771.215.729</b>

**2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn (Các đối tượng &gt; 10%)</b>	<b>3.069.441.254</b>	<b>3.726.461.308</b>
- Sở xây dựng Lạng Sơn (Khối lượng thoát nước đô thị)	789.563.000	589.042.720
- Phòng quản lý đô thị (Tiền trồng cây xanh)	25.457.000	978.535.000
- Chi nhánh nước Hữu Lũng - Công ty CP cấp thoát nước Lạng Sơn	307.592.000	-
- Nhân dân Đồng Đăng	352.347.534	400.201.869
- UBND Huyện Lộc Bình	334.791.000	-
- Trương Văn Đình	-	140.773.960
- Phải thu đối tượng khác	1.259.690.720	1.617.907.759
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>		
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>		

**3. PHẢI THU KHÁC**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu khác	73.915.575	-	69.955.575	-
- Tạm ứng	1.205.502.940	-	1.132.673.220	-
- Phải trả, phải nộp khác (dư Nợ)	376.084.258	-	291.224.335	-
<b>Cộng</b>	<b>1.655.502.773</b>	<b>-</b>	<b>1.493.853.130</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	10.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**4. HÀNG TỒN KHO**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	2.760.035.218	-	2.181.229.042	-
Công cụ, dụng cụ	843.262.271	-	1.164.119.265	-
Chi phí SXKD dở dang	2.728.024.241	-	3.296.115.075	-
Thành phẩm nhập kho	4.102.847	-	2.331.002	-
<b>Cộng</b>	<b>6.335.424.577</b>	<b>-</b>	<b>6.643.794.384</b>	<b>-</b>

**5. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí SX KD dở dang dài hạn	-	-	-	-
<b>b) Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>8.658.715.952</b>	<b>8.658.715.952</b>	<b>2.664.669.581</b>	<b>2.664.669.581</b>
- Xây dựng nhà trạm bơm H10	-	-	1.303.856.363	1.303.856.363
- Tuyến ống đường Hùng Vương, Văn Vĩ, Đèo Giang	6.201.803.355	6.201.803.355	331.610.000	331.610.000
- Công trình xây dựng cơ bản dở dang khác	2.456.912.597	2.456.912.597	1.029.203.218	1.029.203.218
<b>Cộng</b>	<b>8.658.715.952</b>	<b>8.658.715.952</b>	<b>2.664.669.581</b>	<b>2.664.669.581</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Mẫu số B09 - DN

**6 . NỢ XẤU**

Đơn vị : VND

	Cuối năm		Đầu năm		Dự phòng
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
- Các khoản phải thu					
Khách hàng nước nhỏ lẻ	63.149.380	-	63.149.380	-	91.737.050
<b>Cộng</b>	<b>63.149.380</b>	<b>-</b>	<b>63.149.380</b>	<b>-</b>	<b>91.737.050</b>

- Nợ xấu là các khoản công nợ phải thu khó đòi có thời hạn thu hồi quá hạn từ 6 tháng trở lên theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 và thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Mẫu số B09 - DN

**7. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	47.217.000.161	61.190.158.573	81.923.983.938	6.666.740.257	410.673.653	197.408.556.582
Tăng trong năm	2.291.750.523	3.820.527.540	3.328.571.870	1.577.319.988		11.018.169.921
- Mua trong năm		3.820.527.540	1.297.100.962	1.577.319.988		6.694.948.490
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.291.750.523		2.031.470.908			4.323.221.431
- Tặng khác						
Giảm trong năm						
- Chuyển sang BDS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	49.508.750.684	65.010.686.113	85.252.555.808	8.244.060.245	410.673.653	208.426.726.503
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	11.849.644.956	13.650.506.821	31.214.469.638	3.350.207.006	80.125.000	60.144.953.421
Tăng trong năm	1.338.658.863	3.695.058.363	5.424.902.029	783.047.247	37.984.361	11.279.650.863
- Số khấu hao trong năm	1.338.658.863	3.695.058.363	5.424.902.029	783.047.247	37.984.361	11.279.650.863
- Tặng khác						
Giảm trong năm						
- Chuyển sang BDS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	13.188.303.819	17.345.565.184	36.639.371.667	4.133.254.253	118.109.361	71.424.604.284
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	35.367.355.205	47.539.651.752	50.709.514.300	3.316.533.251	330.548.653	137.263.603.161
2. Tại ngày cuối năm	36.320.446.865	47.665.120.929	48.613.184.141	4.110.805.992	292.564.292	137.002.122.219

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN  
 Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

**8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	140.679.639				1.946.067.884	2.086.747.523
Tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác						
Giảm trong năm						
- Chuyển sang BĐSĐT						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	140.679.639				1.946.067.884	2.086.747.523
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	41.240.345				792.779.571	834.019.916
Tăng trong năm	15.361.528				97.042.712	112.404.240
- Số khấu hao trong năm	15.361.528				97.042.712	112.404.240
- Tăng khác						
Giảm trong năm						
- Chuyển sang BĐSĐT						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	56.601.873				889.822.283	946.424.156
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	99.439.294				1.153.288.313	1.252.727.607
2. Tại ngày cuối năm	84.077.766				1.056.245.601	1.140.323.367

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Mẫu số B09 - DN

Đơn vị tính: VND

**9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	106.321.213	319.355.000
- Các khoản chi phí trả trước khác	106.321.213	319.355.000
b) Dài hạn	4.504.962.841	5.182.663.554
- Lợi thế thương mại (*)	3.201.791.668	3.842.150.001
- Chi phí thuê đất tại cụm công nghiệp địa phương	728.456.960	745.012.800
- Các khoản khác	574.714.213	595.500.753
<b>Cộng</b>	<b>4.611.284.054</b>	<b>5.502.018.554</b>

(\*) Đây là giá trị lợi thế thương mại được xác định lại theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt. Giá trị này công ty chưa phân bổ trong năm 2011.

**10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn (Các đối tượng >10%)	2.260.268.236	2.260.268.236	2.273.846.664	2.273.846.664
Công ty CP thương mại & đầu tư XD Dung Linh	1.996.924.000	1.996.924.000	1.915.300.264	1.915.300.264
Phải trả cho các đối tượng khác	263.344.236	263.344.236	358.546.400	358.546.400
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
<b>Cộng</b>	<b>2.260.268.236</b>	<b>2.260.268.236</b>	<b>2.273.846.664</b>	<b>2.273.846.664</b>
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan				

**11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
	a) Phải nộp			
- Thuế GTGT	375.892.554	7.820.454.881	8.196.347.435	-
- Thuế TNDN	489.046.972	923.203.705	897.547.231	514.703.446
- Thuế TNCN	49.424.016	597.971.089	596.485.385	50.909.720
- Thuế tài nguyên	-	30.995.000	30.995.000	-
- Tiền thuê đất	-	15.000.000	15.000.000	-
- Các khoản phí, lệ phí	266.831.550	3.457.455.750	3.432.421.350	291.865.950
<b>Cộng</b>	<b>1.181.195.092</b>	<b>12.845.080.425</b>	<b>13.168.796.401</b>	<b>857.479.116</b>
b) Phải thu				
- Thuế GTGT được khấu trừ	1.137.978.061	6.279.631.667	7.016.592.117	401.017.611
- Thuế TNDN	5.875.941	-	5.875.941	-
- Thuế TNCN	-	12.134.330	3.960.000	8.174.330
<b>Cộng</b>	<b>1.143.854.002</b>	<b>6.291.765.997</b>	<b>7.026.428.058</b>	<b>409.191.941</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Trích trước chi phí di chuyển đường ống nút giao thông số 3 Trần Phú-Cổng thành đội, Bắc Sơn-Thân Thờ Quý	61.861.818	1.677.247.273
- Trích trước chi phí đèn đường Hữu Lũng 2015	279.629.091	-
- Trích trước chi phí kiểm toán	85.000.000	85.000.000
- Trích trước chi phí nguyên vật liệu	112.572.176	-
- Các khoản trích trước khác	-	4.500.000
b) Dài hạn		
	520.062.085	1.766.747.273



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Mẫu số B09 - DN  
Đơn vị tính: VND**13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	50.000.000	50.000.000	50.000.000	-	-	-
- Vay cá nhân Đặng Minh Tuấn	50.000.000	50.000.000	50.000.000	-	-	-
<b>b) Vay dài hạn</b>	14.264.599.000	14.264.599.000	4.200.000.000	3.724.500.000	13.789.099.000	13.789.099.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, chi nhánh Lạng Sơn (*)	3.800.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Lạng Sơn (**)	10.148.099.000	10.148.099.000	-	3.641.000.000	13.789.099.000	13.789.099.000
Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt	316.500.000	316.500.000	400.000.000	83.500.000	-	-
<b>Cộng</b>	14.314.599.000	14.314.599.000	4.250.000.000	3.724.500.000	13.789.099.000	13.789.099.000

(\*): là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng TDH số 224/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.110700 ngày 05/10/2015.

Số tiền vay: 4.000.000.000 VND

Mục đích vay: Đầu tư công trình cải tạo nâng cấp tuyến ống nước đường Hùng Vương, Văn Vi, Đèo Giang, Trần Quang Khải - thành phố Lạng Sơn

Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên

Tài sản bảo đảm: Thế chấp 01 tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của khách hàng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB 091003, số vào sổ cấp GCN: CT - 03317 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 08/10/2015 cho Công ty CP Cấp thoát nước Lạng Sơn.

(\*\*): là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ ngày 05/02/2013.

Số tiền vay: 20.000.000.000 VND

Mục đích vay: Đầu tư dự án Hệ thống cấp nước thành phố Lạng Sơn công suất Q=10.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm (giai đoạn 1); Lãi suất: 14%/ nămTài sản bảo đảm: Công trình xây dựng, hệ thống đường ống dẫn, thiết bị và các hạng mục khác thuộc Hệ thống cấp nước thành phố Lạng Sơn công suất Q=10.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Giá trị: 33.808.174.000 VND. Giấy tờ gốc: Quyết định số 598/QĐ-CTN ngày 25/09/2013 của Giám đốc Công ty CP CTN Lạng Sơn phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình Hệ thống cấp nước thành phố Lạng Sơn, công suất Q=10.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Mẫu số B09 - DN

Đơn vị tính: VND

**14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC****a) Ngắn hạn**

- Kinh phí công đoàn

- Bảo hiểm xã hội

- Bảo hiểm y tế

- Bảo hiểm thất nghiệp

- Phải trả, phải nộp khác

+ Tiền chờ chi trả giải phóng mặt bằng nhà nước cấp dự án Pò Mò

+ Dự án cấp nước thị trấn Na Sầm

+ Dự án cấp nước khu Phi thuế quan

+ Phải trả đối tượng khác

**Cộng****b) Dài hạn****c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	75.128.847	126.417.458
	45.086.316	46.593.276
	12.961.297	11.454.337
	3.946.439	3.946.439
	24.189.203.808	1.138.061.413
	22.730.627.132	-
	223.124.000	-
	509.250.000	1.138.061.413
	726.202.676	-
	<u>24.326.326.707</u>	<u>1.326.472.923</u>

15/11/2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đồng Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Mẫu số B09 - DN  
Đơn vị tính: VND

**VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	50.098.000.000	-	93.019.611.203	1.644.205.272	-	2.583.156.627	147.344.973.102
Tăng vốn năm trước							-
Lãi trong năm trước			18.208.018.000			3.108.443.493	3.108.443.493
Tăng khác							18.208.018.000
Giảm vốn trong năm trước							-
Lỗ trong năm trước						2.786.118.754	4.889.479.547
Giảm khác							-
<b>Số dư cuối năm trước*</b>	<b>50.098.000.000</b>	<b>-</b>	<b>109.174.268.410</b>	<b>1.644.205.272</b>	<b>-</b>	<b>2.905.481.366</b>	<b>163.821.955.048</b>
Tăng vốn trong năm							-
Lãi trong năm						3.304.712.267	3.304.712.267
Tăng khác						1.585.833	1.585.833
Giảm vốn trong năm							-
Lỗ trong năm			22.730.627.132				-
Giảm khác (*)							-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>50.098.000.000</b>	<b>-</b>	<b>86.443.641.278</b>	<b>1.644.205.272,00</b>	<b>-</b>	<b>3.397.327.055</b>	<b>141.583.173.605</b>

(\*) Vốn khác giảm trong năm là do điều chỉnh khoản tiền chờ chi trả giải phóng mặt bằng nhà nước cấp dự án Pò Mỏ đang theo dõi sang khoản phải trả, phải nộp khác cho đúng bản chất

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Mẫu số B09 - DN

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ (%)	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của nhà nước	95,05%	47.619.000.000	47.619.000.000
Vốn góp của cá nhân	4,95%	2.479.000.000	2.479.000.000
Ông Nguyễn Hữu Chung	0,20%	100.000.000	100.000.000
Ông Nguyễn Văn Quyết	0,20%	100.000.000	100.000.000
Ông Nguyễn Thành Vũ	0,20%	100.000.000	100.000.000
Ông Phùng Đức Toàn	0,20%	100.000.000	100.000.000
Ông Nguyễn Văn Cảnh	0,20%	100.000.000	100.000.000
Cán bộ nhân viên khác của Công ty	3,95%	1.979.000.000	1.979.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>50.098.000.000</b>	<b>50.098.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	50.098.000.000	50.098.000.000
- Vốn góp cuối năm	50.098.000.000	50.098.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.600.000.000	1.502.940.000

**d) Cổ phiếu**

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.009.800	5.009.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.009.800	5.009.800
- Cổ phiếu phổ thông	5.009.800	5.009.800
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.009.800	5.009.800
- Cổ phiếu phổ thông	5.009.800	5.009.800
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng	10.000 đồng
* Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	5.009.800	5.009.800
* Lãi cơ bản trên cổ phiếu	659,65	620,47

**đ) Cổ tức**

e) Các quỹ của doanh nghiệp		
- Quỹ đầu tư phát triển	1.644.205.272	1.644.205.272

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

**16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Cuối năm	Đầu năm
a) Giá trị tài sản thuê ngoài		
b) Tài sản nhận giữ hộ		
- Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công, nhận uỷ thác:	1.118.888.164	1.118.888.164

**17 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH****VII . Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

**1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu		
Doanh thu từ thu tiền nước	62.523.543.870	57.391.902.317
Doanh thu lắp đặt	28.699.661.017	26.143.061.861
Doanh thu bán hàng hóa	3.042.068.580	4.502.666.634
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.301.520.611	-
<b>Cộng</b>	<b>96.566.794.078</b>	<b>88.037.630.812</b>

**2 . CÁC KHOẢN, GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	49.361.127	18.273.372
	<b>49.361.127</b>	<b>18.273.372</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Mẫu số B09 - DN

Đơn vị tính: VND

**3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn của thành phẩm đã bán

Giá vốn phần lắp đặt

Giá vốn của hàng hóa đã bán

Giá vốn dịch vụ đã cung cấp

Cộng

Năm nay	Năm trước
42.377.192.473	33.610.918.675
27.166.574.578	29.684.229.198
1.726.445.541	1.491.434.365
1.531.394.359	-
<b>72.801.606.951</b>	<b>64.786.582.238</b>

**4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Lãi tiền gửi, cho vay

Cộng

Năm nay	Năm trước
662.373.698	867.650.362
<b>662.373.698</b>	<b>867.650.362</b>

**5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Lãi tiền vay

Cộng

Năm nay	Năm trước
1.429.930.444	2.053.831.503
<b>1.429.930.444</b>	<b>2.053.831.503</b>

**6 . THU NHẬP KHÁC**

- Các khoản khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
63.878.000	782.781.156
<b>63.878.000</b>	<b>782.781.156</b>

**7 . CHI PHÍ KHÁC**

- Các khoản khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
8.605.000	810.209.474
<b>8.605.000</b>	<b>810.209.474</b>

**8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

a) *Chi phí bán hàng*

Chi phí nhân viên

Chi phí nguyên vật liệu, bao bì, vật liệu quản lý

Chi phí bằng tiền khác

b) *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

Chi phí nhân viên

Chi phí nguyên liệu, vật liệu quản lý

Chi phí khấu hao tài sản cố định

Chi phí dự phòng

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
6.462.099.205	6.024.018.121
98.127.272	148.000.000
5.739.891.591	5.481.043.231
624.080.342	394.974.890
<b>12.306.442.138</b>	<b>12.006.545.823</b>
6.103.703.096	5.908.428.279
601.195.133	604.109.987
1.207.772.999	962.751.603
34.890.330	86.529.050
433.709.568	1.144.034.277
3.925.171.012	3.300.692.627
<b>18.768.541.343</b>	<b>18.030.563.944</b>

**9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Chi phí nguyên liệu, vật liệu

Chi phí nhân công

Chi phí khấu hao tài sản cố định

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí dự phòng

Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
14.073.827.095	14.174.034.137
33.102.693.070	36.093.725.996
11.252.177.667	11.162.337.382
17.906.570.674	8.677.592.714
34.890.330	-
11.832.086.373	14.815.642.912
<b>88.202.245.209</b>	<b>84.923.333.141</b>

**10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế

+ *Chi phí khác không được trừ*

- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế

Tổng thu nhập tính thuế

Thu nhập chịu thuế 20%

Thu nhập chịu thuế 22%

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Năm nay	Năm trước
4.235.000.911	3.988.601.799
8.605.000	-
8.605.000	-
-	-
4.243.605.911	3.988.601.799
165.232.858	-
4.078.373.053	-
930.288.644	880.158.306

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

**VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**4. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****4.1 Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

**Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

**4.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Ảnh hưởng của rủi ro tài chính**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	14.945.143.148	20.681.061.689
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.724.944.027	5.220.314.438
<b>Cộng</b>	<b>19.670.087.175</b>	<b>25.901.376.127</b>

**4.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Từ 1 trở lên (VND)	Cộng
<b>Số đầu năm</b>			
Các khoản vay	-	13.789.099.000	13.789.099.000
Phải trả người bán	2.273.846.664	-	2.273.846.664
Chi phí phải trả	1.766.747.273	-	1.766.747.273
	1.326.472.923	-	1.326.472.923

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đồng Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

Số cuối năm			
Các khoản vay	50.000.000	14.264.599.000	14.314.599.000
Phải trả người bán	2.260.268.236	-	2.260.268.236
Chi phí phải trả	539.063.085	-	539.063.085
Phải trả khác	24.326.326.707	-	24.326.326.707

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn

**4.4 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đồng Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Mẫu số B09 - DN

**4.5 Giá trị hợp lý****- So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Cuối năm		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	
	26.952.806.424	26.952.806.424	31.771.215.729	31.771.215.729	
	4.734.944.027	(*)	5.220.314.438	(*)	
	-	-	-	-	

**Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:**

- Tiền và các khoản tương đương tiền
- Phải thu khách hàng và phải thu khác
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác

**Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:**

- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu

**Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:**

- Vay ngắn hạn	(50.000.000)	(50.000.000)	-	-	
- Phải trả người bán và phải trả khác	(26.586.594.943)	(26.586.594.943)	(3.600.319.587)	(3.600.319.587)	
- Vay dài hạn	(14.264.599.000)	(14.264.599.000)	(13.789.099.000)	(13.789.099.000)	
	<b>(9.213.443.492)</b>	<b>(*)</b>	<b>19.602.111.580</b>	<b>(*)</b>	

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**- Cơ sở xác định giá trị hợp lý****Nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn**

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Mẫu số B09 - DN

Đơn vị tính: VND

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND
Nguyễn Hữu Chung	Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Giám Đốc	450.000.000
Nguyễn Thành Vũ	Phó giám đốc	226.800.000
Vũ Văn Bính	Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Giám Đốc	176.400.000
Nguyễn Văn Cảnh	Thành viên Hội đồng Quản trị - PGĐ	302.400.000
Nguyễn Văn Quyết	Thành viên Hội đồng Quản trị - PGĐ	302.400.000
Phùng Đức Toàn	Thành viên Hội đồng Quản trị - Kế toán trưởng	159.250.000
Lê Văn Thanh	Trưởng ban KS - TP TC-HC	145.000.000
Trương Thu Hải	TV BKS - TP QL tiêu thụ	135.000.000
Linh Thị Huệ	TV BKS - Kế toán trưởng	105.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.002.250.000</b>

**6 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn đã được Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT kiểm toán, được phân loại lại và điều chỉnh theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Chi tiết như sau:

\*/ Các chỉ tiêu thay đổi trên Bảng cân đối Kế toán

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu theo BCKT 2014	Số liệu phân loại lại
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		
6. Các khoản phải thu khác	136	361.179.910	1.493.853.130
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	1.132.673.220	-

**7 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**8 . Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập

Linh Thị Huệ

Kế toán trưởng

Linh Thị Huệ



Lạng Sơn, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Hữu Chung



TRƯỞNG PHÒNG